



láng tou

榔头

noun · hammer

Example Sentences

tā yòng láng tou dīng dīng zi
他用榔头钉钉子。

He uses a hammer to drive nails.

zhè bǎ láng tou tài zhòng le wǒ ná bù dòng
这把榔头太重了，我拿不动。

This hammer is too heavy for me to lift.

mù jiàng bǎ láng tou fàng zài gōng jù xiāng lǐ
木匠把榔头放在工具箱里。

The carpenter put the hammer in the toolbox.

Trace each character, then write the word on your own.

榔	榔	榔	榔	榔	榔	榔	榔	榔	榔	榔
榔	榔	榔	榔							
头	头	头	头	头	头	头	头			